

Số: /QĐ-UBND

Cẩm Châu, ngày tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CẨM CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, ngày 26/1/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 04/01/2021 của Hội đồng nhân dân xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy về kế hoạch đầu tư công năm 2022 lần 2;

Căn cứ kết quả thẩm định số: 98/TĐ-KTHT ngày 22/4/2022 của Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện Cẩm Thủy về việc thẩm định hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp IV
- 3. Địa điểm xây dựng:** Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.
- 4. Chủ đầu tư:** UBND xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, làm mới sân đường nội bộ, lò đốt rác, trạm y tế xã Cẩm Châu tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám chữa bệnh cho nhân dân trong địa phương.

6. Đơn vị khảo sát, lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật: Công ty cổ phần đầu tư phát triển xây dựng Tân Tiến.

7. Nội dung và quy mô đầu tư:

7.1. Nhà làm việc và điều trị:

- Cạo bỏ toàn bộ sơn nhà cũ, lan sơn lại toàn bộ nhà bằng 1 nước lót 2 nước màu.

- Ốp gạch Ceramic 300x600 tường phòng tiêm số 1 và 2 cao 1,8m.

- Lát gạch Terrazzo 400x400 đường dốc lên nhà làm việc và điều trị.

- Phá dỡ lan can con tiện bê tông trực 5/(A-B). Lắp dựng vách kính bằng khung nhựa lõi thép vào lan can nhà trực 5/(A-B).

- Lắp dựng 1 cửa đi lùa D4 bằng nhựa lõi thép trực (5-5A)/B.

7.2. Giếng khoan, lò đốt rác:

- Giếng khoan: Khoan 01 giếng bằng máy có độ sâu 40m.

- Lò đốt rác: Xây mới lò đốt rác có kích thước (b_xl_xh) = (1,5x1,5x2,2)m.

Tường xây gạch không nung VXM mác 50, trát tường VXM mác 75, mặt trát lăn sơn 1 nước lót 2 nước màu. Bê tông sàn mái đá 1x2 mác 200.

7.3. Sân đường nội bộ:

- Phát dọn, chặt tỉa cây vườn cây trước nhà làm việc và điều trị. San ủi đất tạo mặt bằng.

- Sân, đường bê tông: Đổ bê tông mác 200 đá 1x2 dày 12cm sân, đường có tổng diện tích S = 580m².

- Sân lát gạch: Lát gạch nền sân bằng gạch Terrazzo 400x400 có tổng diện tích S = 245m².

- Thành bao sân (L = 50,7m): Cạo bỏ vôi ve thành bao sân, quét vôi ve mới 3 nước.

- Thành bao vườn thuốc (L = 47,2m): Cạo bỏ vôi ve thành bao vườn thuốc, quét vôi ve mới 3 nước.

- Thành bồn hoa (L = 146,72m): Cạo bỏ vôi ve thành bồn hoa, quét vôi ve mới 3 nước.

- Xây mới 08 bồn cây có kích thước (b_xl) = (1,5x1,5)m. Bồn cây xây gạch dày 11cm, trát bồn cây VXM mác 75, mặt trát quét vôi ve 3 nước.

(Chi tiết về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình thống nhất theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

8. Tổng mức đầu tư (Làm tròn): 449.310.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín triệu ba trăm mười nghìn đồng).

Trong đó:

Chi phí xây dựng	:	406.720.000	đồng;
Chi phí quản lý dự án	:	12.741.000	đồng;
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	26.437.000	đồng;
Chi phí khác	:	3.412.000	đồng;
Chi phí dự phòng	:	0	đồng;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

9. Nguồn vốn: Ngân sách xã và nguồn vốn huy động hợp pháp khác của UBND xã Cẩm Châu.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2022.

Điều 2. Giao cho Ban quản lý xây dựng công trình xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định của Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cán bộ Văn phòng UBND xã; Kế toán, địa chính xây dựng và ban ngành đoàn thể; và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Hải Lăng

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, SỬA CHỮA TRẠM Y TẾ XÃ CẨM CHÂU, HUYỆN CẨM THỦY,
TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /04/2022 của Chủ tịch UBND xã Cẩm Châu)

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Chi phí trước thuế (đồng)	Thuế GTGT (đồng)	Chi phí sau thuế (đồng)	Ký hiệu
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG		369.744.692	36.974.469	406.720.000	Gxd
1	Nhà làm việc và điều trị	Theo bảng tổng hợp kinh phí	197.466.005	19.746.601	217.213.000	
2	Giếng khoan, lò đốt rác	Theo bảng tổng hợp kinh phí	38.186.221	3.818.622	42.005.000	
3	Sân đường nội bộ	Theo bảng tổng hợp kinh phí	134.092.466	13.409.247	147.502.000	
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	3,446%*Gxd	12.741.402		12.741.000	Gqlda
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		24.033.405	2.403.341	26.437.000	Gtv
1	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	6,5%*Gxdtt	24.033.405	2.403.341	26.437.000	
IV	CHI PHÍ KHÁC				3.412.000	Gk
1	Phí thẩm định BCKTKT (TT209)	0,019%*TMĐT			853.000	
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,57%*TMĐT			2.559.000	
	TỔNG CỘNG	(I+II+III+IV)			449.310.000	TDT

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm mười nghìn đồng./.